

TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

Bản án số 135/2025/HS-PT
Ngày 29/8/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, phiên tòa trực tuyến mở tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2025/TLPT-HS ngày 01/8/2025 đối với bị cáo **Trần Quang T** về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2025/HS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo: **Trần Quang T**, sinh ngày 17/10/1971 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: **B phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** (nay là **202 phố H, phường H, tỉnh Thanh Hóa**); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Vinh K** sinh năm 1943 và bà **Phạm Thị N** sinh năm 1948; vợ **Lê Thị Bích T1** đã ly hôn và có 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 14/6/2010 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận Đ**, thành phố Hà Nội khởi tố về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, vụ án đang được phục hồi điều tra; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2024, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Văn H** - Văn phòng Luật sư **Nguyễn Văn H**, đoàn luật sư tỉnh **K**, có mặt.

Bị hại: bà **Phạm Thị Kim L1**, sinh năm 1971; nơi cư trú: **Phố A, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (nay là **phường H, tỉnh Ninh Bình**); nơi ở hiện nay:

A X, phố Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang T (sử dụng tên giả là Trần Quốc H1) là người không có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, T có bạn gái là Vũ Thị Hồng N1 và có quen biết với ông Nguyễn Trần L2. Đầu tháng 3 năm 2023, ông L2 nhờ T bán Farm điện mặt trời cho ông L2 tại địa chỉ thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa với giá 8.000.000.000 đồng. Ông L2 và T thỏa thuận T sẽ đầu tư tu sửa dự án Farm điện để dễ bán hoặc nếu không bán được thì T sẽ vay ngân hàng tiếp tục làm dự án F điện. Đến tháng 7 năm 2023, T quen biết và rủ ông Phạm Quốc H2 cùng góp vốn đầu tư làm dự án Farm điện mặt trời thì ông H2 đồng ý.

Đến đầu tháng 8/2023, ông H2 và bạn là bà Phạm Thị Kim L1 đến tỉnh Khánh Hòa gặp T và N1 thì được T giới thiệu thửa đất rừng ở xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (do bà Nguyễn Thị Mộng T2 là người quản lý, sử dụng nhờ T môi giới bán giúp) để bà L1 mua đầu tư. Sau khi xem thửa đất, bà L1 đồng ý mua và chuyển khoản cho T số tiền 100.000.000 đồng để làm chi phí giao dịch thửa đất. Khoảng giữa tháng 8/2023, bà L1 và ông H2 tiếp tục đến tỉnh Khánh Hòa gặp T và N1 tại khách sạn S, địa chỉ: D T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để bàn về vấn đề mua bán thửa đất rừng nêu trên nhưng vì bị vướng giấy tờ nên không thực hiện được.

Trước đó vào tháng 3 năm 2023, do có mối quan hệ quen biết với bà Đoàn Thị Mộng T3 là giám đốc Công ty B, địa chỉ: đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và biết được bà T3 đang nhận rao bán cho bà Bùi Thị Mỹ H3 khách sạn M, địa chỉ A D, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 130,1m² với giá 40 tỷ, đồng thời được bà T3 chuyển thông tin của khách sạn (hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của khách sạn, địa chỉ khách sạn và tên khách sạn). Mặc dù bà H3 và bà T3 không nhờ, không ủy quyền cho T bán khách sạn, nhưng T vẫn nói với bà L1 đây là Khách sạn của chị T3 vợ của anh P ủy quyền cho T đứng ra bán với giá 15 tỷ đồng (thấp hơn rất nhiều so với giá mà bà H3 chủ khách sạn đưa ra). Ngoài ra, T còn đưa cho bà L1 xem hình ảnh quyền sở hữu của khách sạn, địa chỉ khách sạn và tên khách sạn V để tạo niềm tin, T còn gọi điện thoại cho một người phụ nữ tự xưng là “Thu”, mở loa ngoài cho ông H2 và bà L1 cùng nghe, nội dung cuộc nói chuyện giữa T và “T3” về việc “T3” giao cho T đứng ra bán khách sạn. Vì tin tưởng nội dung mà T

cung cấp là thật nên bà L1 đồng ý mua khách sạn. T yêu cầu bà L1 đặt cọc cho T 2.000.000.000 đồng trong vòng 30 ngày và chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản số 17191517 mở tại ngân hàng A của N1, sau khi ra công chứng sẽ chuyển đủ tiền mua. Tin lời T, bà L1 đã nhiều lần chuyển tiền đặt cọc chuyển nhượng khách sạn MELYNA, cụ thể như sau: Ngày 14/08/2023, bà L1 chuyển khoản 02 lần: Lần 01 số tiền 450.000.000 đồng, nội dung: PHAM THI KIM LOAN chuyen khoan cho hai coc nha 16 da T4, lần 02 số tiền 400.000.000 đồng, nội dung: pham thi kim loan ck cho hai coc nha 16 da tuong nha trang lan 2. Tổng cộng số tiền 850.000.000 đồng; Ngày 15/08/2023, bà L1 chuyển số tiền 250.000.000 đồng, nội dung: PHAM THI KIM LOAN chuyen khoan hai tien coc mua nha 16 da tuong; Ngày 02/09/2023, bà L1 chuyển số tiền 30.000.000 đồng, nội dung: PHAM THI KIM LOAN chuyen khoan hai coc nha 16 da tuong (đến ngày 05/09/2023 thì tài khoản ngân hàng của N1 mới báo nhận số tiền này). Tổng cộng số tiền bà L1 chuyển vào tài khoản số 17191517 mở tại ngân hàng A của N1 là 1.130.000.000 đồng.

Sau khi vừa nhận tiền từ bà L1 vào các ngày 14 và 15/08/2023, T cùng N1 chuyển tiền cho Công ty TNHH Ô ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai 862.200.000 đồng để mua xe ô tô VF8 có biển số 60K-308.20. Số tiền còn lại cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Khi bà L1 yêu cầu T viết giấy biên nhận tiền đặt cọc mua bán khách sạn, đồng thời đề nghị gặp trực tiếp chủ để thực hiện việc chuyển nhượng khách sạn trên thì T không thực hiện và cắt đứt liên lạc với bà L1. Biết mình bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bà L1 đã tố cáo đến Công an tỉnh K.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2025/HS-ST ngày 26/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang T 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quang T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Thị Kim L1 số tiền 118.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/7/2025, bị cáo Trần Quang T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét lại phần xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo, đồng thời trình bày bị cáo chiếm đoạt của bị hại L1 tổng số tiền 1.130.000.000 đồng, quá trình điều tra bị cáo đã nhờ bạn bè nộp khắc phục trả bà L1 150.000.000 đồng, chiếc xe ô tô Vinfast của bị cáo theo định giá là 1.009.000.000 đồng đã bàn giao cho bà L1 nên bị cáo đã bồi thường xong cho bà L1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bị cáo phải bồi thường cho bà L1 118.000.000 đồng là không đúng và thiệt hại cho bị cáo nên đề nghị cấp phúc thẩm không buộc bị cáo bồi thường thêm cho bà L1, đồng thời xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để xét giảm hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị Tòa án xét giảm hình phạt cho bị cáo như đề nghị của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục trả bị hại 150.000.000 đồng/1.130.000.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm nhận định số tiền khắc phục không đáng kể nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 khi lượng hình là áp dụng không đúng pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bị cáo. Mặt khác, trình bày của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định, đó là khoảng giữa tháng 8 năm 2023, tại khách sạn S địa chỉ: D T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Trần Quang T đã cung cấp thông tin gian dối cho bà Phạm Thị Kim L1 rằng T được chủ khách sạn M (địa chỉ A D, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) ủy quyền bán khách sạn với giá 15.000.000.000 đồng và yêu cầu bà L1 đặt cọc số tiền 2.000.000.000 đồng, tin lời T, bà L1 đã chuyển 1.130.000.000 đồng đặt cọc mua khách sạn cho T và T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này sử dụng vào mục đích cá nhân. Do T có hành vi trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm vào “Tội lừa

đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, thấy:

[2] Bị cáo **Trần Quang T** trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục trả bị hại số tiền 150.000.000 đồng trên tổng số tiền chiếm đoạt 1.130.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền khắc phục không đáng kể nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 khi lượng hình là áp dụng không đúng pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bị cáo nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này.

[3] Đối với xe ô tô Vinfast VF8, Biển kiểm soát 60K-308.20 của bị cáo **T** theo kết quả định giá do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa thực hiện ngày 24/5/2024 xác định có giá trị 1.009.185.000 đồng (bút lục 169-171) đã được bàn giao cho bị hại **Phạm Thị Kim L1** quản lý, sử dụng và bà **L1** được quyền sang tên mình (bút lục 174 – 180). Xét, bị cáo **T** chiếm đoạt của bị hại **L1** tổng số tiền 1.130.000.000 đồng, đã bồi thường khắc phục cho bị hại trong quá trình điều tra 150.000.000 đồng và bàn giao chiếc xe ô tô Vinfast cho bị hại trị giá 1.009.000.000 đồng nên bị cáo **T** đã bồi thường đủ cho bị hại, cấp sơ thẩm vẫn buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 118.000.000 đồng là không đúng, nên cấp phúc thẩm sửa lại phần trong quyết định không buộc bị cáo **T** bồi thường cho bị hại và không buộc bị cáo **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền còn phải bồi thường, đồng thời xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để xét giảm hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Quyết định của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị; bị cáo **T** kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2025/HS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Quang T** 11 (Mười một) năm tù về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo **T** đã khắc phục đủ.

3. Bị cáo **Trần Quang T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo **Trần Quang T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXX tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân